

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **580/2026/DS-PT**
Ngày 26 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Bà Tiêu Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Như Nguyễn** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa Bà **Lê Thị Màu** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2026 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2026/TLPT-DS ngày 08/7/2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2026/DS-ST ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 588/2026/QĐPT-DS ngày 10/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B)**. Địa chỉ: T, số A đường T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của B: Bà **Lê Thị L** và bà **Ong Thị Ngọc S** – Chuyên viên quản lý khách hàng B – Chi nhánh C. Địa chỉ: Số E, đường A, Khóm D, Phường T, tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 97/QĐ-BIDV Cà Mau ngày 13/01/2026 (Bà S có mặt).

- Bị đơn: Bà **Dương Tuyết T**, sinh năm 1979; Căn cước công dân số 096179001197, cấp ngày 24/4/2021. Địa chỉ: Số B, đường N, Khóm G, Phường L, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Xâm H**, sinh năm 1974; căn cước công dân số: 096074002582. Địa chỉ: Số C, đường N, Khóm G, phường A, tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2026 (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Triệu V**, sinh ngày 21/3/2008. Địa chỉ cư trú: Số B, đường N, Khóm G, Phường L, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số A, đường Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Dương Tuyết T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn bà Ong Thị Ngọc S trình bày: Theo các Hợp đồng tín dụng số: 418/2023/17170421/HĐTD ngày 22/12/2023 giữa bà Dương Tuyết T với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 12; lãi suất cho vay 9,3%/năm; Hợp đồng tín dụng số: 41/2024/17170421/HĐTD ngày 19/02/2024, bà T vay Ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng; thời hạn vay 12; lãi suất cho vay 8,6%/năm; Hợp đồng tín dụng số: 244/2024/17170421/HĐTD ngày 11/9/2024, bà T vay Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay 12; lãi suất cho vay 8,1%/năm. Lãi suất quá hạn các 150%; lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mục đích vay nuôi trồng thủy sản.

Bà T đã dùng các tài sản để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp: 97/2022/17170421/HĐBĐ ký ngày 07/4/2022 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS747517 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp 02/12/2019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 978751 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp 26/5/2016 cho bà Dương Tuyết T. Các phần đất thế chấp đều tọa lạc tại đường N, Khóm G, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay thuộc Phường L, tỉnh Cà Mau)

Trong quá trình vay vốn bà Dương Tuyết T không thực hiện đúng cam kết trả nợ vay cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Nay, Ngân hàng yêu cầu:

Buộc bà Dương Tuyết T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 20/5/2026 tổng cộng là 3.496.434.621 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.938.442.948 đồng; nợ lãi là 557.991.673 đồng (lãi trong hạn 376.879.660 đồng, lãi phạt 153.745.454 đồng, lãi chậm trả 27.366.559 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà T không thực hiện đầy đủ, Ngân hàng có quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để trả nợ cho Ngân hàng, nếu không đủ bà T phải có trách nhiệm dùng mọi tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp khác để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Xâm H trình bày: Ông thừa nhận bà T có ký các hợp đồng tín dụng, có thế chấp các tài sản để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh C số tiền nợ vốn và nợ lãi đúng như người đại diện Ngân hàng trình bày. Nay bà T đồng ý trả nợ vốn, nợ lãi, lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ. Bà đồng ý cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản của bà đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi bán đấu giá trả nợ cho Ngân hàng còn thừa tiền, bà T xin được nhận lại.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Triệu V: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V theo quy định pháp luật nhưng anh V không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 134/2026/DS-ST ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau Quyết định:

1. Buộc bà Dương Tuyết T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vốn, lãi tính đến ngày 20/5/2026 tổng số tiền 3.496.434.621 đồng (ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi một đồng). Trong đó nợ gốc số tiền 2.938.442.948 đồng; nợ lãi số tiền 557.991.673 đồng (lãi trong hạn số tiền 376.879.660 đồng, lãi phạt nợ gốc số tiền 153.745.454 đồng, lãi chậm trả số tiền 27.366.559 đồng).

Kể từ ngày 21/5/2026 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Dương Tuyết T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng số: 418/2023/17170421/HĐTD ngày 22/12/2023; Hợp đồng tín dụng số: 41/2024/17170421/HĐTD ngày 19/02/2024 và Hợp đồng tín dụng số: 244/2024/17170421/HĐTD ngày 11/9/2024 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu xử lý các tài thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 97/2022/17170421/HĐBĐ ký ngày 07/4/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với bên thế chấp bà Dương Tuyết T để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/6/2026 bà T kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không định giá tài sản thế chấp và tính lãi chồng lãi, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H xin rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu thẩm định giá, chỉ cho rằng Ngân hàng tính lãi gộp không chi tiết cụ thể, cấp sơ thẩm chưa đề nghị Ngân hàng cung cấp chiết tính cụ thể vì sao ra số tiền lãi đó, chỉ dựa vào đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện Ngân hàng để buộc bà T trả khoản lãi như vậy, phía Ngân hàng cũng chưa phát hành các văn bản nào thông báo cho bà T về số nợ đã quá hạn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Tại phiên tòa Ngân hàng cung cấp bản chiết tính lãi dài và phức tạp khó hiểu là vi phạm tố tụng nên yêu cầu hủy án sơ thẩm. Nếu không hủy án thì kiến nghị sửa án sơ thẩm bác yêu cầu phần lãi phạt và nợ chậm trả, chấp nhận khoản lãi trong hạn hợp lý.

Bà S đại diện Ngân hàng cho rằng các khoản lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà T trả đều được tính theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký với bà T. Khoản lãi này đều được hệ thống máy tính của Ngân hàng tính tự động theo công thức được cài theo hợp đồng ký kết, khi khởi kiện cũng như tính đến ngày xét xử sơ thẩm các khoản lãi và tổng số tiền lãi được in ra trên hệ thống máy chủ của Ngân hàng, còn

chi tiết cụ thể khách hàng đến Ngân hàng sẽ in ra cung cấp cho xem, số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu là chính xác không nhầm lẫn, riêng việc thông báo thì Tòa án đã 3 lần lập biên bản thông báo cho bà T về việc nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán, bà T đã có lần đến Ngân hàng yêu cầu giảm lãi bản tài sản thế chấp trả nợ nhưng không thực hiện được, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, theo hợp đồng tín dụng bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ còn nợ vốn và lãi như nguyên đơn đã tạm tính, đến ngày xét xử sơ thẩm số nợ của bà T cả vốn và L1 là 3.496.434.621 đồng, bà T cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ nên kiến nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 134/2026/DS-ST ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Dương Tuyết T làm trong thời hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng quy định, về hình thức, về nội dung đơn đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, đủ điều kiện để HĐXX xem xét kháng cáo của bà theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đúng quy định tại điều 26, 35 BLTTDS.

[2] Bà T kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm với hai lý do: Cấp sơ thẩm không định giá tài sản thế chấp và việc Ngân hàng tính lãi chồng lãi (lãi phạt). Tại phiên tòa ông H rút lý do cấp sơ thẩm không thẩm định giá, HĐXX không xem lý do này chỉ xem xét lý do còn lại.

Theo ba hợp đồng tín dụng mà bà T đã ký kết với Ngân hàng, đều có quy định 03 khoản lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả. Tại đơn yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu của Ngân hàng tại phiên tòa sơ thẩm cũng yêu cầu tính lãi trong phạm vi của ba khoản lãi này. Đối chiếu với quy định của pháp luật, HĐXX nhận thấy: Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao: Việc tổ chức tín dụng tính lãi suất nợ quá hạn và lãi chậm trả phải tuân thủ đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng không được trái các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. Qua kiểm tra 03 Hợp đồng tín dụng số 418/2023, số 41/2024 và số 244/2024, các hợp đồng đều ghi nhận về mức lãi suất quá hạn (150%) và lãi chậm trả (10%). Như vậy yêu cầu của Ngân hàng về tính lãi đối với ba khoản lãi đã quy định trong hợp đồng là phù hợp đúng các quy định của pháp luật viện dẫn. Vấn đề là Ngân hàng cần cung cấp bản triết tính chi tiết chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như để bà T biết rõ cách tính của Ngân hàng, tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng đã bổ sung bản chiết tính cụ thể về cách thức và thời hạn tính lãi và khoản tiền lãi của cả ba hợp đồng hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng và phù hợp với các quy định của pháp luật đã

viện dẫn. Tại phiên tòa ông H cho rằng Ngân hàng không có thông báo cho bà T biết khoản lãi của bà T bị chuyển sang quá hạn là vi phạm thông tư 39/2016 của Ngân hàng, tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng đã có mời bà T đến Ngân hàng để thông báo cho bà T biết về các khoản vay đã quá hạn và yêu cầu bà T trả nợ, phía bà T thừa nhận và xin giảm lãi, tự bán tài sản thế chấp trả nợ. Do đó không có căn cứ xác định cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nên kháng cáo của bà T yêu cầu hủy án sơ thẩm không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như kiến nghị của đại diện Viện Kiểm Sát là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điều 148 BLTTDS.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị HĐXX không can thiệp điều chỉnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Tuyết T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 134/2026/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau. *Tuyên xử:*

1. Buộc bà Dương Tuyết T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ vốn, lãi tính đến ngày 20/5/2026 tổng số tiền 3.496.434.621 đồng (ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi một đồng). Trong đó nợ gốc số tiền 2.938.442.948 đồng; nợ lãi số tiền 557.991.673 đồng (lãi trong hạn số tiền 376.879.660 đồng, lãi phạt nợ gốc số tiền 153.745.454 đồng, lãi chậm trả số tiền 27.366.559 đồng).

Kể từ ngày 21/5/2026 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Dương Tuyết T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng số: 418/2023/17170421/HĐTD ngày 22/12/2023; Hợp đồng tín dụng số: 41/2024/17170421/HĐTD ngày 19/02/2024 và Hợp đồng tín dụng số: 244/2024/17170421/HĐTD ngày 11/9/2024 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 97/2022/17170421/HĐBĐ ký ngày 07/4/2022 giữa Ngân hàng với bà Dương Tuyết T để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Bà Dương Tuyết T phải chịu số tiền 101.928.700 đồng. Ngân hàng không phải chịu, ngày 19 tháng 01 năm 2026 Ngân hàng đã dự nộp 49.364.000 đồng (bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0000746 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

- Án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ, ngày 11/6/2026 bà đã nộp tạm ứng số tiền này theo biên lai số 0007714 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân KV 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS KV 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế